

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/QLCL-CL1

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2015

V/v: mã HS một số mặt hàng thủy sản
xuất khẩu vào EU

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Thừa ủy quyền Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT, Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản trả lời công văn số 11572/TCHQ-TXNK ngày 21/11/2014 của Tổng cục Hải quan về việc xin ý kiến về mã HS đối với sản phẩm seafood mix xuất khẩu vào EU như sau:

1. Về việc áp mã HS cho sản phẩm thủy hải sản phối chế đông lạnh xuất khẩu vào EU:

- Theo Định nghĩa tại mục 3.6, Phụ lục I Quy định số 853/2014 của Hội đồng và Ủy ban Châu Âu (EU): **sản phẩm thủy sản sơ chế (Prepared fishery products)** là các sản phẩm thủy sản chưa chế biến (unprocessed), đã chịu tác động của các hoạt động ảnh hưởng đến tính nguyên vẹn của thủy sản như bỏ ruột, bỏ đầu, cắt lát, phi-lê và băm cắt.

- Theo Ghi chú số 1, 2, Chương 16, Mục IV, Phần thứ hai, Phụ lục I “Danh mục kết hợp” (trang 134 Quy định EU số 1001/2013 ngày 04/10/2013) thì các sản phẩm chưa được áp mã HS theo quy định cụ thể tại Chương 2, 3 hoặc đầu mục 0504 và là **thực phẩm sơ chế** được áp mã số hải quan tương ứng tại đầu mục của Chương 16 trong trường hợp trên 20% tổng khối lượng có thành phần là xúc xích, thịt, nội tạng, tiết, cá hoặc giáp xác, nhuyễn thể hoặc động vật không xương sống khác, hoặc bất kỳ sự kết hợp nào từ thành phần nêu trên. Trong trường hợp thực phẩm sơ chế có chứa hai hoặc hơn hai thành phần kể tên nêu trên thì được phân loại vào các đầu mục thuộc Chương 16 tương ứng với thành phần chiếm tỷ lệ lớn nhất về khối lượng”.

- Do đó, theo 02 dẫn chiếu trên, **sản phẩm thủy hải sản phối chế (seafood mix)** là sản phẩm thủy sản sơ chế (prepared fishery products) chưa có quy định cụ thể về mã HS ở chương 2, 3 hoặc phù hợp với đầu mục 0504 sẽ được áp mã HS là 1605 nếu gồm nhiều thành phần kể tên nêu trên nhưng thành phần là giáp xác, nhuyễn thể hoặc động vật không xương sống sơ chế chiếm trên 20% tổng khối lượng và có tỷ lệ lớn nhất trong sản phẩm. Việc áp mã HS này hoàn toàn căn cứ vào định nghĩa sản phẩm thủy sản sơ chế và quy định áp mã HS của EU mà **không liên quan tới quá trình chần/trụng (nếu có) đối với các thành phần của sản phẩm seafood mix** như phản ánh của các doanh nghiệp.

2. Về việc áp mã HS cho sản phẩm ngêu đông lạnh xuất khẩu vào EU:

Do các vùng thu hoạch trong Chương trình giám sát vệ sinh an toàn trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ của Việt Nam đang được xếp loại B nên theo Quy

định EU, Việt Nam chỉ được phép xuất khẩu sang thị trường này các sản phẩm nghêu đã qua xử lý nhiệt với điều kiện nhiệt độ tâm sản phẩm không thấp hơn 90°C trong thời gian không nhỏ hơn 90 giây (với mục đích tiêu diệt vi sinh vật). Do đó, mã HS của sản phẩm nghêu có xuất xứ từ vùng thu hoạch của Việt Nam đủ điều kiện xuất khẩu sang EU là 1605. Sản phẩm seafood mix có thành phần nghêu (có xuất xứ từ vùng thu hoạch của Việt Nam) cũng sẽ được áp mã HS theo nguyên tắc của quy định 1001/2013 nêu trên.

(Tóm tắt nguyên bản tiếng Anh các quy định của EU nêu trên xin xem tại Phụ lục gửi kèm)

Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản trân trọng đề nghị Tổng cục Hải quan nghiên cứu tổng hợp, có hướng dẫn phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Vũ Văn Tám (để b/c);
- VASEP;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, CL1.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Trần Bích Nga

PHỤ LỤC

Trích nội dung một số quy định của Liên minh Châu Âu

(kèm theo công văn số: 09/QLCL-CL1 ngày 06/01/2015 của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản)

TT	Nội dung	Quy định tham chiếu	
	ANNEX I: COMBINED NOMENCLATURE	Regulation (EU) No 1001/2013 of 4 October 2013 amending Annex I to Council Regulation (EEC) No 2658/87 on the tariff and statistical nomenclature and on the Common Customs Tariff	
	PART ONE — PRELIMINARY PROVISIONS		
1.	Section I — General rules A. General rules for the interpretation of the Combined Nomenclature <u>Principles 3 (b):</u> mixtures, composite goods consisting of different materials or made up of different components, and goods put up in sets for retail sale, which cannot be classified by reference to 3(a), shall be classified as if they consisted of the material or component which gives them their essential character, in so far as this criterion is applicable.		
	PART TWO — SCHEDULE OF CUSTOMS DUTIES		
2.	<ul style="list-style-type: none"> • Section I: Live animals; animal products - Chapter 3: Fish and crustaceans, molluscs and other aquatic invertebrates <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20%;">CN code: 0307</td> <td>Description: Molluscs, whether in shell or not, live, fresh, chilled, frozen, dried, salted or in brine; smoked molluscs, whether in shell or not, whether or not cooked before or during the smoking process; flours, meals and pellets of molluscs, fit for human consumption:</td> </tr> </table>		CN code: 0307
CN code: 0307	Description: Molluscs, whether in shell or not, live, fresh, chilled, frozen, dried, salted or in brine; smoked molluscs, whether in shell or not, whether or not cooked before or during the smoking process; flours, meals and pellets of molluscs, fit for human consumption:		
3.	<ul style="list-style-type: none"> • Section IV: Prepared foodstuffs; beverages, spirits and vinegar; tobacco and manufactured tobacco substitutes - Chapter 16 Preparations of meat, of fish or of crustaceans, molluscs or other aquatic invertebrates: <u>Note N°2:</u> Food preparations fall in this chapter provided that they contain more than 20 % by weight of sausage, meat, meat offal, blood, fish or crustaceans, molluscs or other aquatic invertebrates, or any combination thereof. In cases where the preparation contains two or more of the products mentioned above, it is classified in the heading of Chapter 16 corresponding to the component or components which predominate by weight. These provisions do not apply to the stuffed products of heading 1902 or to the preparations of heading 2103 or 2104. <i>For preparations containing liver, the provisions of the second sentence shall not apply in determining the subheadings within heading 1601 or 1602.</i> 		

	CN code: 1605	Description: Crustaceans, molluscs and other aquatic invertebrates, prepared or preserved:	
--	---------------	--	--

- Thuật ngữ “Thực phẩm sơ chế” (food preparations) và một số ngữ về phân loại sản phẩm thủy sản được Liên minh Châu Âu (EU) định nghĩa tại một số quy định (nguyên bản bằng tiếng Anh) như sau:

TT	Nội dung	Quy định tham chiếu
1.	‘Fresh fishery products’ means unprocessed fishery products, whether whole or prepared, including products packaged under vacuum or in a modified atmosphere, that have not undergone any treatment to ensure preservation other than chilling.	Regulation (EC) No 853/2004 of the European Parliament and of The Council of 29 April 2004 laying down specific hygiene rules for food of animal origin
2.	‘Prepared fishery products’ means unprocessed fishery products that have undergone an operation affecting their anatomical wholeness, such as gutting, heading, slicing, filleting, and chopping	
3.	‘Processed fishery products’ means processed products resulting from the processing of fishery products or from the further processing of such processed products.	
4.	‘unprocessed products’ means foodstuffs that have not undergone processing, and includes products that have been divided, parted, severed, sliced, boned, minced, skinned, ground, cut, cleaned, trimmed, husked, milled, chilled, frozen, deep-frozen or thawed.	Regulation (EC) No 852/2004 of the European Parliament and of the Council of 29 April 2004 on the hygiene of foodstuffs
5.	‘processed products’ means foodstuffs resulting from the processing of unprocessed products. These products may contain ingredients that are necessary for their manufacture or to give them specific characteristics	